

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai được lập ngày 26 tháng 02 năm 2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-13-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Kiểm toán viên



Nguyễn Thế Văn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2874-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.331.481.643	53.982.453.947
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.080.556.997	1.617.476.039
111	1. Tiền		1.580.556.997	1.617.476.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.500.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	20.500.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	20.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.155.512.804	1.331.304.265
131	1. Phải thu của khách hàng		512.635.509	1.141.869.123
132	2. Trả trước cho người bán		1.605.542.754	39.477.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	37.334.541	149.958.142
140	IV. Hàng tồn kho	5	28.002.411.842	30.326.573.643
141	1. Hàng tồn kho		28.002.411.842	30.326.573.643
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		93.000.000	207.100.000
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	125.000.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	93.000.000	82.100.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.618.139.541	80.197.679.546
220	II. Tài sản cố định		46.307.577.544	39.900.156.948
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	33.221.274.789	34.986.479.636
222	- Nguyên giá		59.934.814.330	59.001.232.543
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.713.539.541)	(24.014.752.907)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	5.221.372.754	4.815.524.898
228	- Nguyên giá		6.038.057.250	5.508.057.250
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(816.684.496)	(692.532.352)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.864.930.001	98.152.414
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	23.999.605.880	23.999.605.880
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		15.840.605.880	15.840.605.880
258	3. Đầu tư dài hạn khác		8.159.000.000	8.159.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		18.310.956.117	16.297.916.718
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	18.310.956.117	16.297.916.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		171.949.621.184	134.180.133.493

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		22.563.716.515	14.674.575.508
310	I. Nợ ngắn hạn		20.866.831.305	13.967.944.258
312	2. Phải trả người bán		1.168.698.768	2.800.736.762
313	3. Người mua trả tiền trước		738.967.250	797.496.500
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.862.712.265	92.483.333
315	5. Phải trả người lao động		1.406.284.243	908.929.320
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	10.604.883.031	5.429.246.659
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.085.285.748	3.939.051.684
330	II. Nợ dài hạn		1.696.885.210	706.631.250
333	3. Phải trả dài hạn khác		256.000.000	256.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	450.631.250
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.440.885.210	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		149.385.904.669	119.505.557.985
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	149.385.904.669	119.505.557.985
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		68.426.280.000	68.426.280.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		74.355.758.062	43.467.284.128
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		6.603.866.607	6.603.866.607
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	1.008.127.250
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		171.949.621.184	134.180.133.493

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	250.038.736	250.038.736
5. Ngoại tệ các loại		
- USD	925,82	835,39
- EUR	184,14	195,06

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc





Lê Thị Trà Giang

Trần Minh Phương

Nguyễn Diên Tường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	129.657.659.614	101.391.652.279
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		129.657.659.614	101.391.652.279
11	4. Giá vốn hàng bán	16	110.475.641.552	106.181.844.684
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.182.018.062	(4.790.192.405)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	30.619.163.787	25.543.409.793
22	7. Chi phí tài chính		559.414	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	4.122.171.985	1.943.722.094
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		45.678.450.450	18.809.495.294
31	11. Thu nhập khác	19	441.176.175	1.644.601.000
32	12. Chi phí khác	20	312.292.055	29.850.000
40	13. Lợi nhuận khác		128.884.120	1.614.751.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.807.334.570	20.424.246.294
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	3.219.755.886	51.165.500
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>42.587.578.684</u>	<u>20.373.080.794</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	6.224	2.977

Người lập

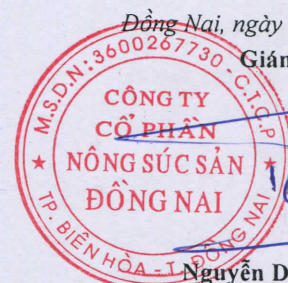
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc

Lê Thị Trà Giang

Trần Minh Phương



Nguyễn Diên Tường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		45.807.334.570	20.424.246.294
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		4.574.904.487	4.679.826.650
03	- Các khoản dự phòng		-	(112.622.050)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		559.414	(546.690)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(30.930.036.732)	(25.542.863.103)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.452.761.739	(551.958.899)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		610.693.326	5.732.887.005
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.324.161.801	3.158.110.187
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(528.951.343)	(17.042.111.397)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.013.039.399)	2.002.854.784
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(297.000.000)	(176.165.500)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		677.205.615	2.689.257.812
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.041.932.871)	(4.213.106.584)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.183.898.868	(8.400.232.592)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.590.998.072)	(1.481.734.325)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		421.151.500	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(24.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.500.000.000	15.300.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		30.739.427.676	25.572.299.214
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		39.069.581.104	14.890.564.889



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.789.839.600)	(10.263.942.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.789.839.600)	(10.263.942.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		51.463.640.372	(3.773.609.703)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.617.476.039	5.390.539.052
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(559.414)	546.690
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>53.080.556.997</u>	<u>1.617.476.039</u>

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Giám đốc

Lê Thị Trà Giang

Trần Minh Phương

Nguyễn Diên Tường